TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/DS-PT
Ngày 27 - 3 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa và mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Thẩm phán: Ông Võ Minh Tiến

Bà Lê Thị Mỹ Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Bùi Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 21 và 27 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2018/TLPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2018, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa và mua bán tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐ-PT ngày 01/3/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Thu H - sinh năm 1973; cư trú tại thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Ngọc Ất – sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 301 đường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

(Văn bản ủy quyền ngày 19/02/2019).

- *Bị đơn:* Ông Lê Minh P - sinh năm 1981; cư trú tại thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc Lâm – Luật sư của Văn phòng Luật sư Công Anh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Ngọc N - sinh năm 1972; cư trú tại thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người làm chứng:

1. Ông Trương K – sinh năm 1954; cư trú tại thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ông Nguyễn H - sinh năm 1954 - Phó Giám đốc Công ty TNHH Văn An.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn là ông Lê Minh P.

(Ông Huỳnh Ngọc Ất, ông Lê Minh P, Luật sư Nguyễn Ngọc Lâm, ông Nguyễn Ngọc N, ông Trương K, ông Nguyễn H có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2018, các tại liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Ngọc Ất đại diện trình bày:*

Xuất phát từ nhu cầu xây dựng nhà ở, xây dựng trang trại chăn nuôi, mua con giống và thức ăn gia súc nên từ tháng 02 năm 2015 đến tháng 6 năm 2017, ông Lê Minh P có mua vật liệu xây dựng (cát, đá, đất, gạch), con giống, thức ăn chăn nuôi của Cửa hàng Thương mại - Dịch vụ Hà Nam do bà Hồ Thị Thu H đứng tên đại diện hộ gia đình với tổng số tiền nợ tính đến tháng 7 năm 2017 là 3.668.974.000đồng, cụ thể:

+ Tiền đổ vật liệu (cát, đá, đất, gạch) tính đến ngày 13/11/2017, hai bên chốt nợ là 278.664.000đồng.

+ Tiền thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, con giống tính đến ngày 05/7/2017, hai bên chốt nợ là 3.390.310.000đồng.

Ngoài ra, từ ngày 26/8/2016 đến ngày 15/6/2017, ông Lê Minh P còn vay của bà Hồ Thị Thu H, ông Nguyễn Ngọc N số tiền 382.240.000đồng, cụ thể:

+ Từ ngày 26/8/2016 đến ngày 27/01/2017 vay 300.000.000đồng.

+ Từ ngày 20/02/2017 đến ngày 30/3/2017 vay 50.000.000đồng.

+ Ngày 15/6/2017 ông P mượn 32.240.000đồng trả tiền làm đường bê tông cho Công ty TNHH Văn An.

Số tiền nợ vay, ông P đã trả tiền lãi cho ông N, bà H từ ngày vay đến hết năm 2017 với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Như vậy, tổng số tiền ông P nợ bà H, ông N là 4.051.214.000đồng. Ông N, bà H đã nhiều lần yêu cầu ông P trả nợ nhưng ông P không trả.

Nay, bà H yêu cầu ông P phải trả cho bà H và ông N số tiền nợ trên và tiền lãi đối với số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi là 3.390.310.000đồng từ ngày 05/7/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (05/11/2018) là 16 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 450.233.168đồng (3.390.310.000đồng x 0,83%/tháng x 16 tháng), không yêu cầu trả tiền lãi đối với tiền nợ mua vật liệu xây dựng và tiền vay. Tổng số tiền ông P phải trả cho bà H, ông N là 4.501.447.168đồng. Ngoài ra, bà H không yêu cầu gì khác.

** Tại bản tự khai ngày 16 tháng 4 năm 2018, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Lê Minh P trình bày:*

Năm 2015, ông và ông Nguyễn Ngọc N, chồng của bà Hồ Thị Thu H có hợp tác làm ăn chăn nuôi heo và đã bị thua lỗ vì lý do ông N để heo dịch bệnh chết hết. Việc hợp tác làm ăn giữa hai bên không lập hợp đồng mà chỉ thỏa thuận miệng. Ông thừa nhận dòng chữ và chữ ký đề ngày 5/7/ 2017 mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là chữ viết và chữ ký của ông nhưng mục đích không phải để xác nhận còn nợ tiền của Hà Nam. Ông cho rằng chữ ký này không có giá trị vì Hà Nam vi phạm cam kết không để cho ông làm ăn mà gây khó khăn.

Việc bà Hồ Thị Thu H khởi kiện ông yêu cầu ông trả nợ thì ông không đồng ý vì không có căn cứ. Ông yêu cầu bà H phải cung cấp hợp đồng thỏa thuận như thông báo giá, giấy biên nhận mua hàng và giấy chốt công nợ hàng tháng, giấy ủy quyền quyết định cử người ký nhận.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc N trình bày:*

Cửa hàng Thương mại - Dịch vụ Hà Nam do vợ chồng ông đầu tư kinh doanh, vợ ông là bà Hồ Thị Thu H là người đại diện hộ gia đình nhưng ông là người trực tiếp giúp bà H trong quá trình hoạt động kinh doanh của Cửa hàng. Ông thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà H. Ngoài ra, ông không bổ sung và yêu cầu gì thêm.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi đã xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Thu H và ông Nguyễn Ngọc N.

Buộc ông Lê Minh P phải có nghĩa vụ thanh toán tiền mua bán hàng hóa, tiền mua bán tài sản, nợ vay và lãi chậm thanh toán đối với số tiền mua bán hàng hóa cho bà H và ông N với tổng số tiền 4.501.447.168đồng (bốn tỷ, năm trăm lẻ một triệu, bốn trăm bốn mươi bảy ngàn, một trăm sáu mươi tám đồng), trong đó tiền mua bán hàng hóa là 3.840.543.168đồng, tiền mua vật liệu xây dựng là 278.664.000đồng, tiền vay là 382.240.000đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 14 tháng 11 năm 2018, ông Lê Minh P có đơn kháng cáo với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không khách quan, vi phạm tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu ý kiến tranh luận: Đầu năm 2015, ông Lê Minh P và ông Nguyễn Ngọc N có thỏa thuận hợp tác làm ăn chung, trong đó ông N chịu trách nhiệm cung cấp thức ăn chăn nuôi và kỹ thuật, ông P chịu con giống và chuồng trại với phương thức lời cùng ăn, lỗ cùng chịu. Do tin tưởng nhau nên không lập thành văn bản. Khi ông N giao thức ăn chăn nuôi cho ông P có nhiều người ký nhận. Tại quyển sổ số I và II thể hiện việc giao nhận hàng từ tháng 2/2015 đến tháng 6/2017, không thể hiện giá cám, thuốc tại thời điểm giao hàng mà do ông N tự ghi, tự tính trong quyển số II từ ngày 09/8/2016 đến tháng 6/2017. Nhìn bằng mắt thường cũng có thể nhận biết được là do cùng một người viết ra và viết cùng một thời điểm, không phải viết vào từng thời điểm giao nhận hàng. Trong quá trình làm ăn chung, ông P có đưa cho ông N 04 lần tiền sau mỗi đợt bán heo với tổng số tiền 358.000.000đồng, được thể hiện trong sổ giao nhận hàng. Theo các tài liệu có tại hồ sơ thể hiện từ năm 2015 đến năm 2017, hai bên không chốt sổ từng tháng, quí hoặc năm. Tại phiên tòa, ông N thừa nhận có gây áp lực cho ông P nên ông P phải ký chốt nợ vào ngày 05/7/2017. Thực chất đây không phải là việc xác nhận nợ mà là xác định việc đầu tư của mỗi bên, vì số tiền 3.390.310.000đồng là do ông N tự tính, trước khi ông P xác nhận vào sổ của ông N, ông N không cung cấp sổ ghi chép theo dõi của ông N, giữa hai bên không có việc đối chiếu sổ trước khi xác nhận nợ nên việc xác nhận của ông P trong sổ do ông N ghi chép là không có căn cứ xác nhận ông P có nợ tiền ông N. Đối với số tiền mua vật liệu xây dựng là do ông N tự đổ để đầu tư mở rộng trang trại cùng kinh doanh chung nên ông P không có trách nhiệm phải trả số tiền này cho ông N. Đối với số tiền nợ, ông P thừa nhận có vay 350.000.000đồng nhưng ông P đã trả 50.000.000đồng vào ngày 29/5/2017, hiện chỉ còn nợ 300.000.000đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không gởi bản sao đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ cho ông P. Ông P không được tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án cấp sơ thẩm. Tại biên bản tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện ông P nhận mà không ký

biên bản là không đúng. Ông P còn cho rằng, tại phiên tòa ngày 05/11/2018, không có việc hỏi tại phiên tòa và ông P không được tham gia tranh luận nhưng biên bản phiên tòa lại thể hiện có việc hỏi và tranh luận là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định tại Điều 285, 286, 287, 290, 294 và 298 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với người tham gia tố tụng từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Lê Minh P làm trong hạn luật định và hợp lệ theo quy định tại Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ Điều 244, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Minh P. Sửa bản án sơ thẩm, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc ông P phải trả số tiền 32.240.000đồng làm đường bê tông vào trại heo. Buộc ông P phải trả cho bà H, ông N tiền mua bán hàng hóa, tiền mua vật liệu xây dựng, tiền nợ vay và lãi chậm trả đối với số tiền mua bán hàng hóa với tổng số tiền là 4.469.207.168đồng. Ông P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Lê Minh P trả số tiền 32.240.000đồng làm đường bê tông. Ông Nguyễn Ngọc N và ông Lê Minh P đồng ý với việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[2] Xét kháng cáo của ông Lê Minh P thì thấy rằng:

[2.1] Đối với số tiền nợ vật liệu xây dựng 278.664.000đồng: Theo tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện ông P có ký xác nhận số tiền trên vào ngày 13/11/2017 (bút lục 75). Ông P thừa nhận chữ viết, chữ ký xác nhận là của ông, tuy nhiên ông P cho rằng do hai bên hợp tác làm ăn chung nên ông N tự

nguyện đổ vật liệu xây dựng để đầu tư xây dựng mở rộng chuồng trại cùng kinh doanh chung, nên ông P không có trách nhiệm phải thanh toán số tiền này cho bà H, ông N nhưng ông P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa ông và ông N có sự hợp tác kinh doanh và không được bà H, ông N thừa nhận nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông P.

[2.2] Đối với số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, con giống 3.390.310.000đồng: Theo tài liệu do nguyên đơn cung cấp thể hiện ngày 05/7/2017, ông P xác nhận còn nợ Hà Nam số tiền nợ trên (bút lục 81, 82). Ông P thừa nhận chữ viết, chữ ký là của ông, trừ chữ: "*Em đồng"*.

Tại phiên tòa, ông P cho rằng ông viết xác nhận nợ là do bị lừa, bị ép buộc và trong lúc ông đang có men rượu, không làm chủ hành vi của mình. Ông P cho rằng, lời xác nhận: *Em đồng ý số tiền như trên em nợ Hà Nam* là do ông N đọc cho ông viết, ông không đồng ý viết như vậy vì sau này ông N sẽ sử dụng tài liệu này khởi kiện ông, trong khi giữa ông và ông N hợp tác làm ăn chung chứ không có việc mua bán nên không có việc nợ, do đó ông mới viết thêm: *Em hứa có trách nhiệm trả số tiền trên và Hà Nam phải tạo điều kiện cho em không gây khó khăn khi chưa có khả năng chi trả, để em trả nợ dần theo điều kiện có lợi nhuận theo quá trình hoạt động sản xuất trại.* Theo lời ông P trình bày, chứng tỏ tại thời điểm ông P xác nhận nợ, ông P hoàn toàn minh mẫn sáng suốt, bởi lẽ nếu ông P không làm chủ được hành vi của mình, thì ông P sẽ không nhận thức được nếu viết xác nhận theo yêu cầu của ông N, ông N sẽ sử dụng chứng cứ này để khởi kiện ông nên việc ông P cho rằng khi ông viết xác nhận nợ, ông không làm chủ được hành vi của mình, bị ông N ép buộc, lừa dối như ông P trình bày tại phiên tòa là không có cơ sở chấp nhận.

Mặt khác, người làm chứng do ông P cung cấp là ông Trương K xác định: Vào đầu giờ chiều ngày 05/7/2017, ông có thấy ông N, bà H xuống nhà ông P để chốt sổ, sau đó ông xuống trại heo làm việc chứ không chứng kiến việc tính toán, chốt sổ nợ giữa hai bên. Từ chỗ ông làm việc đến chỗ ông N, bà H, ông P nói chuyện cách nhau khoảng 30m nên ông không biết giữa họ nói gì nhưng ông không nghe có việc to tiếng giữa họ và ông N, bà H đi về lúc nào, ông cũng không biết.

Ngoài ra, ông P cho rằng giữa ông và ông N, bà H có việc hợp tác làm ăn chung, hai bên thỏa thuận ông N chịu trách nhiệm cung cấp thức ăn chăn nuôi và kỹ thuật, ông chịu con giống, chuồng trại và công chăm sóc với phương thức lời cùng hưởng, lỗ cùng chịu. Tuy nhiên, ông P cũng thừa nhận việc hợp tác kinh doanh chung không lập hợp đồng mà chỉ thỏa thuận bằng miệng. Tại phiên tòa, ông P cho rằng từ ngày 19/4/2016 đến ngày 29/7/2016, ông đã đưa cho ông N số tiền 358.000.000đồng tiền ăn chia lợi nhuận, tuy nhiên ông N không thừa nhận có việc làm ăn chung nên không thừa nhận số tiền 358.000.000đồng là tiền ăn chia lợi nhuận mà đây là tiền ông P trả tiền mua thức ăn chăn nuôi được thể hiện trong sổ theo dõi mua thức ăn chăn nuôi và số tiền này ông P đưa cho ông N trước khi ông

N với ông P chốt nợ vào ngày 05/7/2017. Mặt khác, ông P cho rằng giữa ông và ông N, bà H có việc làm ăn chung nhưng ông P cũng thừa nhận, bản thân ông cũng không mở sổ theo dõi chi phí mà ông đầu tư con giống, xây dựng trang trại, ông cũng không xác định được tỉ lệ phân chia lợi nhuận và việc phân chia lợi nhuận trong thời gian kinh doanh chung nên không có căn cứ xác định giữa ông P và ông N, bà H có việc hợp tác kinh doanh chung.

Tại phiên tòa, ông N cho rằng trước khi chốt sổ xác nhận nợ giữa hai bên, trước đó ông đã photo sổ ghi chép thể hiện việc mua bán thức ăn chăn nuôi giữa hai bên giao cho ông P xem trước, đến ngày 05/7/2017 giữa hai bên mới đối chiếu xác nhận nợ. Ông N không thừa nhận có việc gây áp lực cho ông P khi ông P xác nhận nợ như phát biểu ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, nhưng ông N thừa nhận có chặn xe cám của ông P sau khi ông P xác nhận nợ để yêu cầu ông P trả nợ do ông không đồng ý với lời xác nhận viết thêm của ông P như ông P trình bày là: *Hà Nam phải tạo điều kiện cho em (tức ông P) không gây khó khăn khi chưa có khả năng chi trả, để em (P) trả nợ dần theo điều kiện có lợi nhuận theo quá trình hoạt động sản xuất trại* và sau đó, ngày 06/02/2018 bà H đã có đơn khởi kiện ông P tại Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Về phía ông P không thừa nhận với lời trình bày của ông N cho rằng ông N photo sổ ghi chép theo dõi việc giao thức ăn chăn nuôi giữa hai bên cho ông trước khi ông xác nhận nợ, ông P chỉ thừa nhận khi ông N, bà H đến nhà ông chốt nợ, khi về ông N và bà H có để lại bản photo các quyển sổ do ông N ghi chép mà ông đã cung cấp cho Tòa án tại cấp phúc thẩm, trong đó có quyển sổ thể hiện số tiền chốt sổ 3.390.310.000đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù hai bên đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và không được phía bên kia thừa nhận, nhưng thực tế ông P đã nhận được các sổ photo do ông N ghi chép thể hiện việc giao nhận thức ăn chăn nuôi giữa hai bên, trong đó có quyển sổ mà ông P xác nhận nợ và ông P cũng thừa nhận, sau khi xác nhận nợ, ông không đến nhà ông N, bà H khiếu nại, thắc mắc về việc xác nhận số tiền nợ trên, nên việc xác định ông N giao sổ ghi chép cho ông P trước hay tại thời điểm xác nhận nợ là không cần thiết.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng ông P không được tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa ngày 05/11/2018, không có việc hỏi và tranh luận nhưng vẫn được thể hiện tại biên bản phiên tòa là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, theo các tài liệu có tại hồ sơ thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm có tống đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông P không nhận, có xác nhận của Công an xã P (bút lục 54, 56, 63); Biên bản phiên tòa có thể hiện việc Hội đồng xét xử hỏi các đương sự và tại bài phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa hoàn toàn không có ý kiến cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử vi phạm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Trong thời gian Hội đồng xét xử nghị án, ông P có nộp Đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ, xác minh thực tế những người dân ở thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi để làm sáng tỏ việc hợp tác làm ăn chung giữa ông và ông N. Ông P cũng cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập ông tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đối chất để làm sáng tỏ nội dung vụ án. Tòa án chỉ căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là không khách quan, không đúng sự thật, vi phạm tố tụng. Ngoài ra, ông P còn cho rằng vào lúc 08h30' ngày 09/8/2018 và lúc 10h00' ngày 10/8/2018, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ và Công an xã P không đến nhà ông giao Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng tại biên bản tống đạt lại thể hiện ông nhận nhưng không ký vào biên bản là không đúng và cung cấp cho Tòa án 01 USB. Theo ông P, USB ghi âm nội dung cuộc nói chuyện giữa ông và ông Trần Ngọc Thảo - Công an xã P. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cho nghe thiết bị ghi âm do ông P cung cấp, tuy nhiên nội dung thiết bị ghi âm chỉ thể hiện ông P hỏi một người đàn ông tên Thảo về việc ông Thảo có cùng cán bộ Tòa án đến nhà ông P không thì người đàn ông đó trả lời không nhớ. Khi ông P hỏi ký ở đâu thì người đàn ông tên Thảo trả lời tại cơ quan, ông P hỏi người đàn ông có xác nhận trong biên bản không thì người đàn ông trả lời không nhớ. Tại phiên tòa, ông P còn mở nội dung ghi âm cuộc nói chuyện trong điện thoại của ông. Theo ông P, đây là cuộc nói chuyện giữa ông với ông Vương, cán bộ địa chính của UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo nội dung ghi âm mà ông P mở nghe tại phiên tòa thể hiện cuộc nói chuyện giữa ông P với người đàn ông tên Vương xác nhận về việc ông Linh không cùng cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ đến nhà ông P tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án và không ghi lời xác nhận trong biên bản tống đạt. Tuy nhiên, ông P không cung cấp băng, đĩa ghi âm, hoặc thiết bị chứa âm thanh kèm theo văn bản trình bày về xuất xứ của tài liệu mà ông P tự thu âm hoặc văn bản có xác nhận của người đàn ông nói chuyện với ông P mà ông P thu âm trong điện thoại về xuất xứ của tài liệu hoặc văn bản về sự việc liên quan tới việc thu âm cho Hội đồng xét xử.

Hội đồng xét xử nhận thấy, với nội dung của thiết bị ghi âm do ông P cung cấp, nội dung cuộc nói chuyện mà ông P thu âm và mở nghe tại phiên tòa vẫn chưa có cơ sở xác định lời trình bày của ông P về việc cán bộ Tòa án và Công an xã P không đến nhà ông giao văn bản tố tụng của Tòa án là có căn cứ.

Đối với việc ông P cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập ông tham gia đối chất là không chính xác, bởi lẽ tại phiên tòa ông P thừa nhận chữ ký trong biên bản tống đạt Giấy triệu tập số 158/GTT-TA ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ triệu tập ông đối chất vào lúc 08h00' ngày 16/5/2018 là của ông.

Mặt khác, trường hợp có căn cứ xác định Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập ông P tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và không thông báo kết quả phiên họp cho ông P là vi phạm khoản 1 Điều 209 và khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vi phạm của Tòa án

cấp sơ thẩm không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông P, bởi lẽ: Ngày 04/7/2018, ông P có đơn xin sao chụp toàn bộ tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn khởi kiện ông trả số tiền 4.051.214.000đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 05/02/2018 là 256.828.000đồng. Ông P đã được Tòa án giao các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án vào ngày 09/7/2018. Ngoài ra, tại phiên tòa ông P cũng thừa nhận khi ông N, bà H đến nhà ông chốt nợ khi về có để lại một số quyển sổ photo do ông N ghi chép việc theo dõi giao thức ăn chăn nuôi giữa hai bên mà ông P đã cung cấp cho Tòa án tại giai đoạn phúc thẩm. Điều đó, chứng tỏ ông P cũng có đầy đủ các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án khi khởi kiện ông P. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã giao Thông báo số 211/TB-TA ngày 17/6/2018 cho ông P về việc yêu cầu ông P cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh ông không nợ nguyên đơn các khoản tiền mà nguyên đơn yêu cầu ông P trả vào ngày 28/6/2018 (bút lục 40, 41) nhưng ông P cũng không cung cấp được.

Như nhận định trên, từ khi ông P xác nhận nợ vào ngày 05/7/2017 đến khi nguyên đơn khởi kiện ông P thì ông P hoàn toàn không khiếu nại hay thắc mắc về việc ông xác nhận nợ trong sổ của ông N là không đúng. Ông P cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có việc giữa ông và ông N có việc hợp tác làm ăn chung, bản thân ông cũng không hề mở sổ theo dõi chi phí mà ông đầu tư để làm ăn chung với ông N và ông P cũng không xác định được tỉ lệ phân chia lợi nhuận, nếu có. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ theo yêu cầu của ông P.

Đối với số tiền lãi chậm thanh toán của số tiền 3.390.310.000đồng, bà H yêu cầu ông P phải trả từ ngày 05/7/2017 đến 05/11/2018 là 16 tháng với mức lãi suất 0,83%, thành tiền là 450.233.168đồng (3.390.310.000đồng x 0,83%/tháng x 16 tháng), tổng cộng là 3.840.543.168đồng (3.390.310.000đồng + 450.233.168đồng) là hoàn toàn phù hợp.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông P có trách nhiệm trả cho ông N, bà H số tiền nợ thức ăn chăn nuôi là 3.390.310.000đồng và 450.233.168đồng tiền lãi chậm thanh toán là hoàn toàn có căn cứ.

[2.3] Đối với số tiền nợ vay 350.000.000đồng: Ông P thừa nhận từ ngày 26/8/2016 đến ngày 30/3/2017, ông có vay của ông N nhiều lần với tổng số tiền 350.000.000đồng nhưng ngày 29/5/2017, ông đã trả cho ông N 50.000.000đồng, hiện ông chỉ còn nợ ông N số tiền 300.000.000đồng, nhưng ông N cho rằng số tiền 50.000.000đồng mà ông P trả là trả tiền mua thức ăn chăn nuôi được thể hiện trong sổ theo dõi mua thức ăn, còn việc ông P vay mượn tiền được thể hiện ở sổ khác (bút lúc 110, 111) mà ông đã cung cấp cho Tòa án. Ông P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc ông trả cho ông N 50.000.000đ tiền vay nên không được chấp nhận.

Như vậy, ông P phải có trách nhiệm trả cho bà H, ông N số tiền mua vật liệu xây dựng, tiền vay, tiền mua thức ăn chăn nuôi và tiền lãi chậm thanh toán đối với số tiền mua thức ăn chăn nuôi tổng số tiền 4.469.207.168đồng.

Từ những nhận định trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông P.

[3] Về án phí: Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà H.

Ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.469.200đồng [4.469.207.168đồng = 112.000.000đồng + (469.207.168đồng x 0,1%) = 112.000.000đồng + 469.200đồng] và 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

[4] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không phù hợp với nhận định trên, nên không được chấp nhận.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 244, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 117, 357, 430, 440, 463, 466, 468, 469, 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Minh P.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

1. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu của bà Hồ Thị Thu H về việc yêu cầu ông Lê Minh P trả số tiền 32.240.000đồng làm đường bê tông.

2. Buộc ông Lê Minh P phải trả cho bà Hồ Thị Thu H và ông Nguyễn Ngọc N tổng số tiền 4.469.207.168đồng (bốn tỷ, bốn trăm sáu mươi chín triệu, hai trăm lẻ bảy ngàn, một trăm sáu mươi tám đồng), trong đó tiền nợ mua vật liệu xây dựng là 278.664.000đồng, tiền vay là 350.000.000đồng, tiền nợ thức ăn chăn nuôi và tiền lãi chậm thanh toán là 3.840.543.168đồng.

3. Về án phí: Bà Hồ Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà H 56.154.021đồng (năm mươi sáu triệu, một trăm năm mươi bốn ngàn không trăm hai mươi mốt đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo

biên lai số AA/2014/0003967 ngày 09/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Lê Minh P phải chịu 112.469.200đồng (một trăm mười hai triệu, bốn trăm sáu mươi chín ngàn, hai trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ cho ông P 300.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001579 ngày 29/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Ông P còn phải nộp 112.469.200đồng (một trăm mười hai triệu, bốn trăm sáu mươi chín ngàn, hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trịnh Thị Thu Lan